TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm1962 (là chủ hộ kinh doanh cá thể),

Địa chỉ: ấp QH, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1959,

Cùng địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà D ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2017.

Tất cả cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2015 giữa ông với ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị D có hợp đồng mua bán cám làm thức ăn cho gà. Hai bên mua bán theo phương thức là khi giao hàng thì ghi vào sổ số lượng hàng và giá tiền, mỗi bên giữ một cuốn sổ, thỏa thuận thanh toán là khi ông C, bà D bán gà. Tuy nhiên ông C và bà D không thực hiện thanh toán như thỏa thuận. Tính đến ngày 27/7/2015 ông C và bà D còn chưa thanh toán cho ông tổng số bao cám là 252 bao với số tiền là 75.070.000 đồng. Ông nhiều lần yêu cầu ông C, bà D thanh toán tiền nợ nhưng ông C và bà D không thanh toán.

Do ông C, bà D không thực hiện việc thanh toán tiền cám nên ngày 20/01/2016 ông có làm đơn yêu cầu giải quyết tại ấp TA để hòa giải đến ngày 26/02/2017 được tổ hòa giải tại ấp TA, tại buổi hòa giải ông C hứa đến hết tháng giêng năm 2017 trả 35.000.000 đồng, phần còn lại mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng vợ chồng ông C không thực hiện.

Sau đó ông tiếp tục yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L tổ chức hòa giải. Tại buổi hòa giải ông C hứa vào ngày 20/9/2017 trả 10.000.000 đồng, phần còn lại mỗi tháng trả 4.000.000 đồng nhưng đến ngày 05/10/2017 ông C chỉ trả được 10.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

Tại tòa ông yêu cầu ông C và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 65.070.000 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), ông yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 13-11-2017 và quá trình tố tụng tại tòa bị đơn, đồng thời được bị đơn Nguyễn Thị D ủy quyền ông Hồ Văn C trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2015 vợ chồng ông có mua cám để chăn nuôi gà của ông C, số tiền nợ khi kết thúc việc mua bán là 75.070.000 đồng như ông C trình bày. Khi mua bán hai bên thỏa thuận là khi bán gà thì trả tiền thức ăn nhưng do gà chết nên vợ chồng ông không có khả năng trả tiền cho ông C.

Sau đó ông C có đơn yêu cầu vợ chồng ông trả tiền ra tổ hòa giải của ấp Quí Thuận A, tại buổi hòa giải tại ấp Quí Thuận A ông có hứa là đến hết tháng 01/2017 (âm lịch) sẽ trả cho ông C số tiền 35.000.000 đồng, sau đó trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng do làm ăn khó khăn nên không thực hiện được như đã hứa.

Ông C tiếp tục có đơn yêu cầu vợ chồng ông trả tiền nợ ra Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi. Ngày 07/9/2017 Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi có tổ chức hòa giải cho ông và ông C, tại buổi hòa giải ông có hứa vào ngày 20/9/2017 trả 10.000.000 đồng, sau đó trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng đến ngày 05/10/2017 ông mới trả được cho ông C số tiền 10.000.000 đồng, hiện nay ông đi làm thuê để mỗi tháng trả 4.000.000 đồng nhưng do làm ăn khó khăn nên trả không đúng như giao hẹn cho ông C.

Ông thừa nhận hiện nay còn nợ ông C số tiền 65.070.000 đồng, đồng ý trả cho ông C số tiền này nhưng ông có đề nghị được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh của gia đình ông khó khăn, ông đi làm thuê, gia đình ông thuộc diện hộ nghèo.

Việc mua cám về chăn nuôi gà là nhằm phát triển kinh tế gia đình, vợ ông là Nguyễn Thị D cùng nuôi và đồng ý liên đới với ông trả số tiền nợ 65.070.000 đồng cho ông C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hai bên cùng thống nhất giữa ông C với ông C, bà D có hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi gà và số tiền ông C, bà D còn nợ ông C là 65.070.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 bộ luật tố tụng dân sự, Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông C và bà D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông C 65.070.000 đồng trong một lần và không tính lãi do ông C không yêu cầu.

Do ông C và bà D thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông C và bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn C thì nguyên đơn Nguyễn Văn C có đăng ký kinh doanh, bị đơn Hồ Văn C, Nguyễn Thị D không đăng ký kinh doanh, việc mua bán của hai bên đều có mục đích lợi nhuận đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Hồ Văn C, Nguyễn Thị D đăng ký thường trú tại ấp TA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: các đương sự thống nhất hợp đồng mua bán giữa hai bên được giao kết thực hiện và kết thúc năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Qua quá trình giải quyết vụ án và tại tòa có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Nguyễn Văn C (là chủ hộ kinh doanh cá thể) có hợp đồng mua bán tài sản (là thức ăn để chăn nuôi gà) với bị đơn Hồ Văn C, Nguyễn Thị D, hợp đồng mua bán tài sản được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Khi thực hiện hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi gà giữa nguyên đơn Nguyễn Văn C với bị đơn Hồ Văn C, Nguyễn Thị D có thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng ông C, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận dẫn đến vi phạm hợp đồng. Tại tòa cả hai bên đều thống nhất số tiền ông C, bà D còn nợ là 65.070.000 đồng nên ông C yêu cầu ông C và bà D trả số tiền trên là có căn cứ. Đối với việc ông C có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh của gia đình ông khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, ông đi làm thuê nhưng yêu cầu này của ông C là không phù hợp vì sau khi mua bán ông C, bà D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận làm

ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C. Mặt khác yêu cầu trả dần của ông C, bà D tại tòa cũng không được ông C chấp nhận. Ông C đồng thời được D ủy quyền thừa nhận việc mua cám về chăn nuôi gà là nhằm phát triển kinh tế gia đình, vợ ông là Nguyễn Thị D cùng nuôi và cùng đồng ý liên đới với ông trả số tiền nợ 65.070.000 đồng cho ông C nên ông C yêu cầu ông C và bà D liên đới trả số nợ 65.070.000 đồng là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 431, 438 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho ông Nguyễn Văn C số tiền 65.070.000 đồng.

[6] Ông C không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Do ông C và bà D thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428, 431, 438 Bộ luật dân sự 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 65.070.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị D thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn C được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000 đồng theo biên lai thu số 0012203 ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh